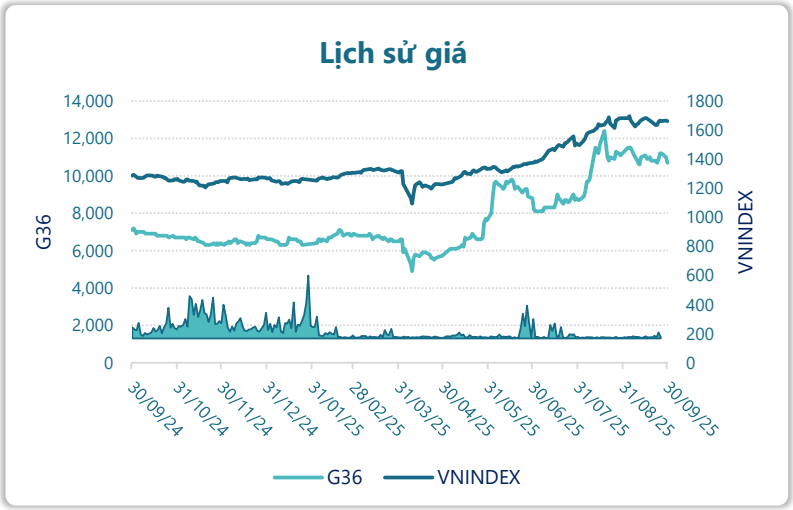
FireAnt

Tổng Công ty 36 - CTCP (UPCOM: G36)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
SL cổ phiếu LH	103,745,067
KLGD BQ 20 phiên (CP)	820,829
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,110
P/E	33.8
EPS	316

DT thuần

Q3/25

382

tỷ VNĐ

QoQ: ▼244| -38.9%

YoY: ▼5.00| -1.2%

LN sau thuế

Q3/25

17.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.2| 217%

YoY: ▲ 10.3| 137%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.7%

+/- YoY: ▲ 2.5%

DT thuần

9T 2025

1,198

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 301| 33.5%

LN sau thuế

9T 2025

41.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.90| 16.8%

ROE

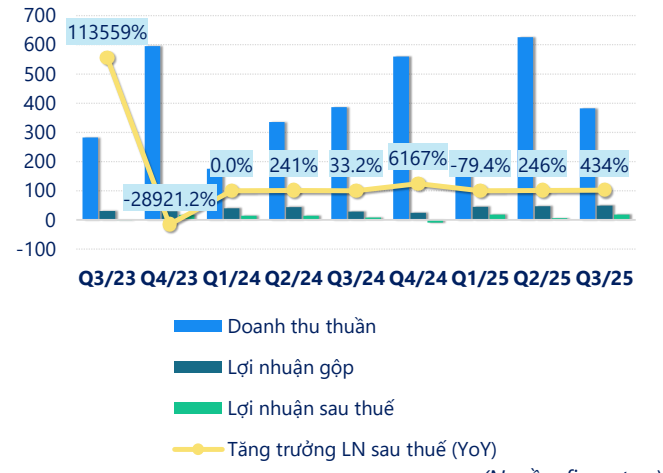
Q3/25

2.9%

+/- YoY: ▼ 1.9%

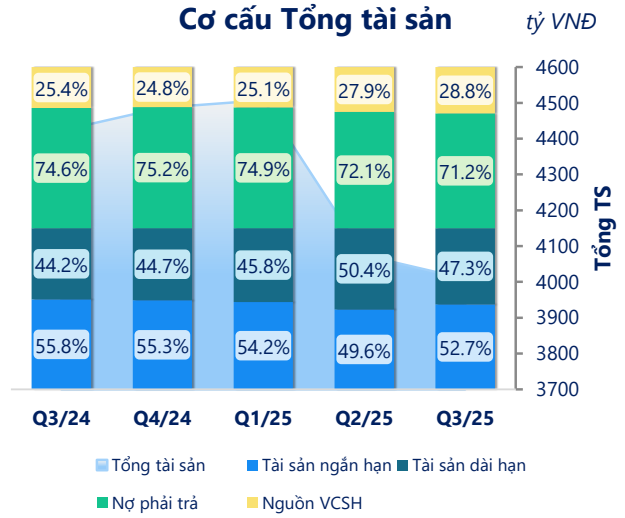
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



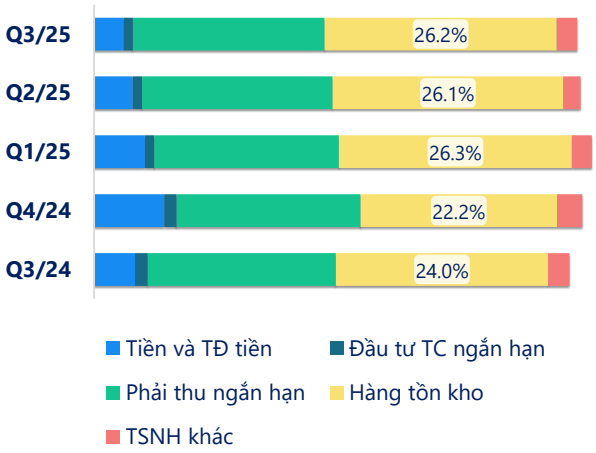
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



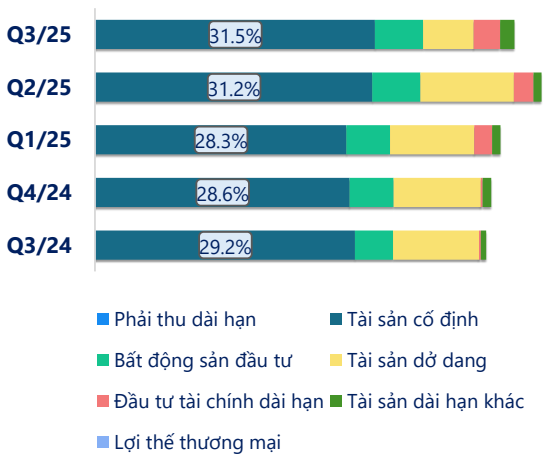
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



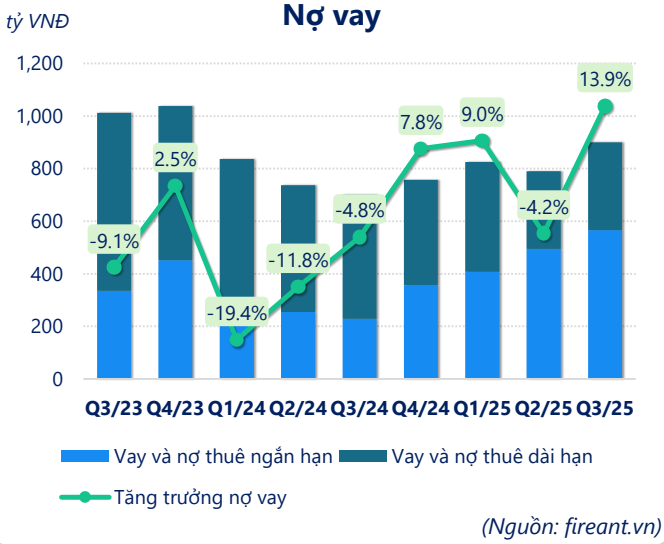
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



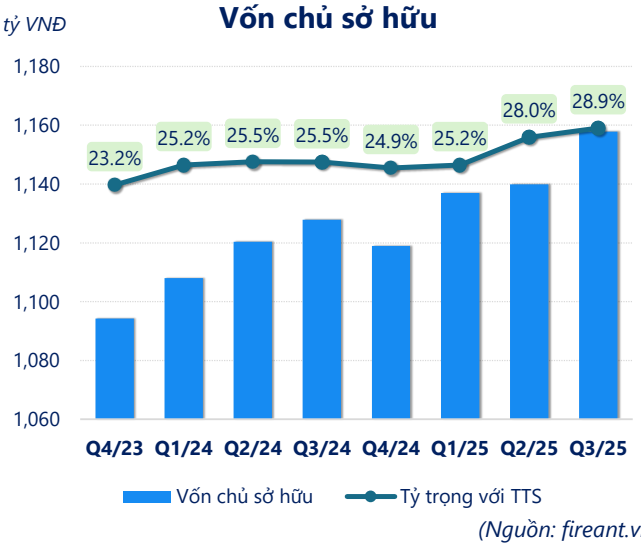
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



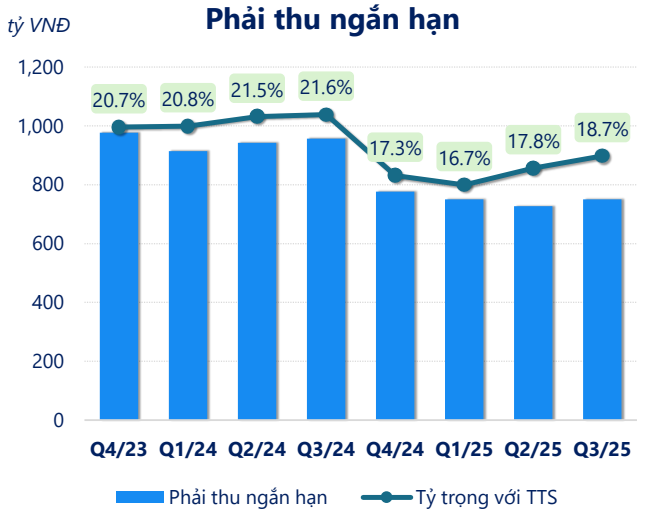
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



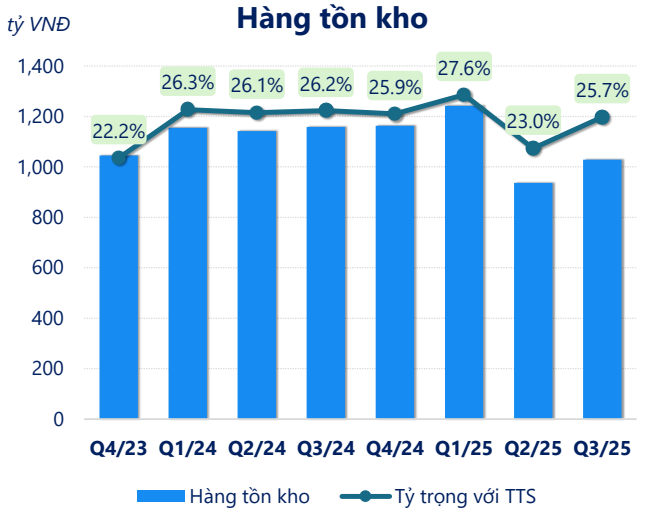
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



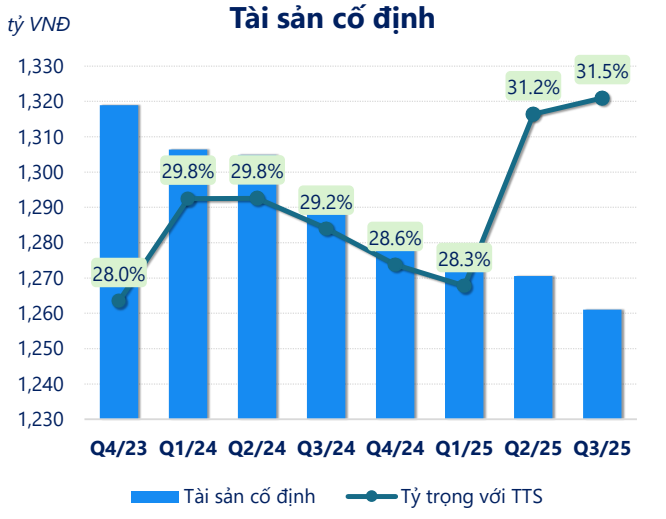
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



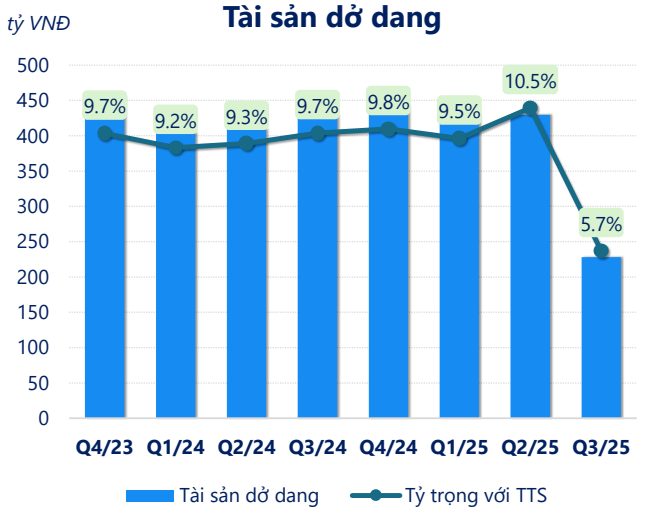
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



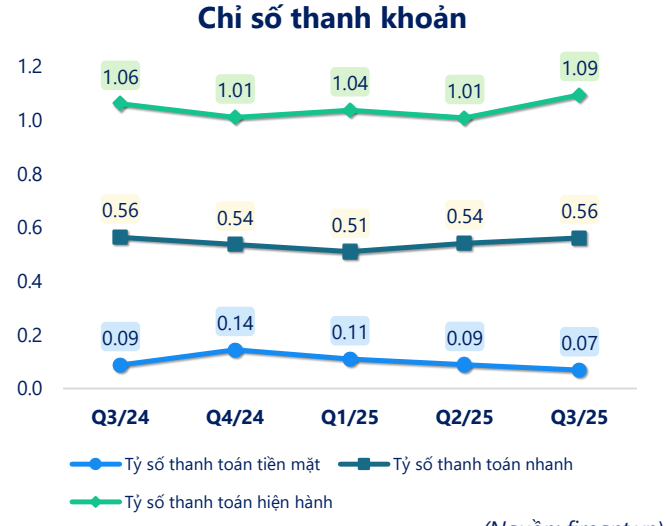
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



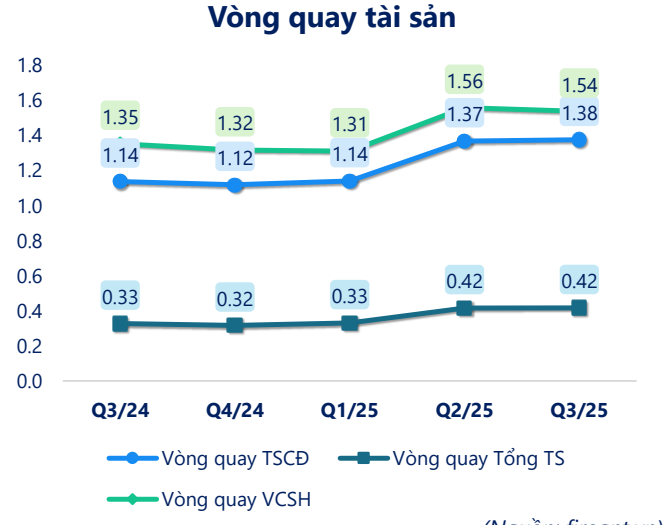
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,423**	**4,486**	**4,507**	**4,074**	**4,009**
Tài sản ngắn hạn	**2,470**	**2,481**	**2,445**	**2,021**	**2,111**
Tiền và tương đương tiền	204	354	258	177	132
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.2	47.2	97.2	97.2	97.2
Phải thu ngắn hạn	957	777	751	727	750
Hàng tồn kho	1,159	1,163	1,242	937	1,029
Tài sản ngắn hạn khác	102	139	96.3	82.6	102
Tài sản dài hạn	**1,953**	**2,006**	**2,063**	**2,053**	**1,898**
Phải thu dài hạn	4.39	4.39	4.49	4.49	4.49
Tài sản cố định	1,293	1,284	1,274	1,271	1,261
Bất động sản đầu tư	190	224	222	220	219
Tài sản dở dang	429	441	429	430	228
Đầu tư tài chính dài hạn	8.35	8.15	91.0	91.0	121
Tài sản dài hạn khác	27.6	43.8	42.4	37.1	64.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,299**	**3,373**	**3,375**	**2,939**	**2,855**
Nợ ngắn hạn	**2,327**	**2,455**	**2,357**	**2,004**	**1,929**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	229	356	407	494	566
Phải trả người bán ngắn hạn	580	600	459	417	413
Nợ dài hạn	972	918	1,018	935	926
Vay và nợ thuê dài hạn	473	401	418	296	334
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,123**	**1,113**	**1,133**	**1,136**	**1,154**
Vốn chủ sở hữu	**1,128**	**1,119**	**1,137**	**1,140**	**1,158**
Vốn điều lệ	1,037	1,037	1,037	1,037	1,037
Kinh phí và quỹ khác	-4.49	-5.67	-4.31	-4.34	-4.20

(Nguồn: fireant.vn)